TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngµy: 29/5/2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Nguyễn Trường Sơn;
Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham phiên tòa Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST- HNGĐ ngày 09/7/2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐST- HNGĐ ngày 15/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tần Thị L(tức V), sinh năm 1992;
ĐKHKTT: Khu 9, xã L(nay là xã X), Huyện H, tỉnh P.
Bị đơn: Anh Trình Ngọc S, sinh năm 1988;
ĐKHKTT: Khu 9, xã L(nay là xã X), Huyện H, tỉnh P.
(Chị L, anh S đều xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Tần Thị Ltrình bày: Chị và anh Trình Ngọc S kết hôn ngày 31/12/2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã L(nay là xã X), Huyện H, tỉnh P trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa hợp hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau thường xuyên xảy ra va chạm xô sát trong cuộc sống gia đình. Anh S đi đang lao động tại Đ có địa chỉ số nhà 118, ngõ 527, mục 2, đường Z, thị trấn B, Huyện H, Đài T, Đ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị L xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trình Gia H1, sinh ngày 03/8/2009. Hiện cháu H1 đang ở với bố mẹ đẻ anh S tại khu 9, xã L(nay là xã X), Huyện H, tỉnh P. Khi ly hôn chị nhất trí để cho bố mẹ đẻ anh S nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trình Ngọc S trình bày: Anh S xác nhận thời gian, thủ tục đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống cùng với bố mẹ đẻ anh tại khu 9, xã L(nay là xã X), Huyện H, tỉnh P. Đến năm 2016 vợ chồng anh đi xuất khẩu lao động tại Đ. Cuộc sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị L có quan hệ bất chính với người khác. Khoảng tháng 6 năm 2018 chị L về trở về Việt Nam. Khi chị L làm thủ tục ly hôn với anh thì anh đang lao động ở Đ, hiện nay anh đã trở về Việt Nam sinh sống, từ khi về Việt Nam anh và chị L cũng không liên lạc với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh S xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày. Ly hôn anh S xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không đề nghị chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, vị đại diện VKSND tỉnh P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, vị đại diện VKSND tỉnh P đề nghị Tòa án xử cho chị Tẩn Thị L được ly hôn với anh Trình Ngọc S.Về con chung: Giao cháu Trình Gia H1, sinh ngày 03/8/2009 cho anh Trình Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh S không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P.

XÉT THẤY:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tẩn Thị L làm đơn xin ly hôn anh Trình Ngọc S tại Tòa án nhân dân tỉnh P. Trong đơn xin ly hôn, chị L trình bày anh Trình Ngọc S lao động tại Đ. Thời điểm Tòa án thụ lý vụ án về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình số 49/2018/HNGĐ-ST ngày 09/7/2018 anh S đang lao động tại Đ, Tại văn bản số 17104/QLXNC-P5 ngày 23/10/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận anh S xuất cảnh ngày 26/6/2016 và nhập cảnh ngày 05/10/2018. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là "tranh chấp hôn nhân và gia đình". Căn cứ Điều 471 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân tỉnh P không thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tẩn Thị Lvà anh Trình Ngọc S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng không hợp nhau, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị L đề nghị được ly hôn anh S. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh S đang sinh sống và làm việc tại Đ. Tòa án

tỉnh P đã ủy thác cho Văn phòng kinh tế - văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc tống đạt thông báo thụ lý của Tòa án cho anh S theo địa chỉ: số nhà 118, ngõ 527, mục 2, đường Z, thị trấn B, Hện H, Đài T, Đ. Hiện nay anh S đã trở về Việt Nam sinh sống, làm ăn, khi trở về Việt Nam anh S và chị L cũng không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Chị L xin ly hôn anh S hoàn toàn đồng ý và nhất trí ly hôn với chị L.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chông giữa chị L và anh S đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm và hiện không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nên yêu cầu của chị Tẩn Thị L xin ly hôn anh Trình Ngọc S là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị L và anh S xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trình Gia H1, sinh ngày 03/8/2009. Chị L nhất trí để cháu H1 ở cùng ông bà nội để chị yên tâm đi làm ăn. Hiện nay cháu H1 đang sống với anh S, ly hôn anh S xin được trực tiếp nuôi nuôi cháu H1 và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy giao cháu Trình Gia H1 cho anh Trình Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng, chị Tẩn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trình Ngọc S do anh S không yêu cầu là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Do chị Tẩn Thị Lvà anh Trình Ngọc S không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Tẩn Thị Lphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:`

Căn cứ Điều 56; 81; 82; 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 471 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Tẩn Thị L được ly hôn với anh Trình Ngọc S.

2. Về con chung: Giao cháu Trình Gia H1, sinh ngày 03/8/2009 cho anh Trình Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 thành niên. Chị Tẩn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Trình Ngọc S. Chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Tẩn Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đ ồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do chị Tẩn Thị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009909 ngày 06/7/2018 tạiCục Thi hành án dân sự tỉnh P.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận
- VKSND Tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Các đương sự;
- L-u: HS+AV:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trường Sơn

3.Về án phí: Chị Tẩn Thị Lphải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do chị Tẩn Thị Lđã nộp tại biên L thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 009909 ngày 06/7/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đ- ơng sự đ- ợc quyền làm đơn kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hảo **Nguyễn Thị Phẩm** **Nguyễn Trường S**

***Nơi nhận*:**
- VKSNDTỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đ- ơng sự;
- L- u: HS+AV:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Anh Tuấn

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 01 tháng 9 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa:
Nguyên đơn: Anh Vũ Chiến Hậu - sinh năm 1976.
ĐKNKTT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh P.
Bị đơn: Chị Lê Hồng Thắm - sinh năm 1978.
ĐKHKTT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh P.
(chị Thắm hiện đang ở nước ngoài).
Thân nhân của chị Lê Hồng Thắm: Ông Lê Quang Bình, sinh năm 1949.
(Bố đẻ chị Thắm).
Trú tại: Khu 7, xã Minh Phú, Hện Đoan Hùng, tỉnh P.
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ toạ phiên toà: **Ông Vũ Anh Tuấn;**
Các hội Thẩm nhân dân **Ông Nguyễn Anh Tuấn**
Bà Nguyễn Thị Phẩm

Vào hồi 9h15' ngày 01/9/2016, Tại phòng nghị án Hội đồng nghị án các vấn đề sau:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Chiến Hậu được ly hôn với chị Lê Hồng Thắm.

Về án phí: Anh Vũ Chiến Hậu phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Hậu đã nộp 200.000 đồng tại biên L thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 007964 ngày 07/6/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Biểu quyết: 03/03 = 100% nhất trí.

Biên bản lập xong và đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên d- ới đây./.

Các hội Thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Bá Điền **Nguyễn Thị Phẩm** **Vũ Anh Tuấn**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2016/TL-HNGĐ

Việt Trì, ngày 03 tháng 10 năm 2016

TRÍCH LỤC
BẢN ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 32/2016/HNGĐ-ST ngày 01/ 9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Chiến Hậu - sinh năm 1976.

ĐKNKTT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh P.

Bị đơn: Chị Lê Hồng Thắm - sinh năm 1978.

ĐKHKTT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh P.

(chị Thắm hiện đang ở nước ngoài).

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Chiến Hậu được ly hôn với chị Lê Hồng Thắm.

Về án phí: Anh Vũ Chiến Hậu phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Hậu đã nộp 200.000 đồng tại biên L thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 007964 ngày 07/6/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ./.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
THẨM PHÁN

Vũ Anh Tuấn